TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/DS-PT
Ngày 23 tháng 01 năm 2018
V/v tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG.

- Thành phần HĐXX phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Xuân

Các thẩm phán : Bà Nguyễn Thị Lan Anh

Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 01 năm 2018 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2017/TLST- DS ngày 30 tháng 10 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng tặng cho tài sản". Do bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2017/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2017 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2017/QĐ-PT ngày 26 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Thị P.

Địa chỉ: Số nhà 171, đường N, tổ 15, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Hoài T.

Địa chỉ: Số nhà 171, đường N, tổ 15, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Ngô Trung K - Luật sư, Văn phòng Luật sư Gia Long, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Hà Giang.

Địa chỉ: Số nhà 283, đường Nguyễn Thái H, tổ 7, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

2. Bị đơn: Ông Ngô Văn H.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị Thu H.

Địa chỉ: Cùng trú tại số nhà 177, đường N, tổ 15, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Hôm nay tất cả các đương sự có mặt.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Ngô Thị P.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 11 năm 2016, bản tự khai và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Ngô Thị P và người đại diện theo ủy quyền anh Nguyễn Hoài T trình bày: Bố mẹ bà P là ông Ngô Văn D (Đã chết năm 2010), bà Lê Thị O (Đã chết năm 1986), ông bà có 05 người con gồm: Ngô Văn C; Ngô Văn T; Ngô Thị N; Ngô Thị N và bà Ngô Thị P. Ông D, bà O sau khi chết đã để lại tài sản là diện tích đất 3.057,4m^2 đất vườn rừng thuộc tờ bản đồ 26, thửa số 58 (Nay là thửa số 1) tại tổ 5, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang thể hiện tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Ngô Văn D. Sau khi bố của bà P qua đời, cháu bà P là Ngô Văn H đã tự ý kê khai toàn bộ diện tích đất 3.057,4m^2 của bố mẹ bà P để lại tại tổ 15, phường N và đã được Ủy ban nhân dân thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/10/2014. Toàn bộ diện tích đất trên là tài sản của bố mẹ bà để lại và thuộc quyền sử dụng chung của anh, chị em bà. Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cháu bà là ông Ngô Văn H có ghi phần nguồn gốc sử dụng đất là do nhận thừa kế, gia đình bà không nhất trí vì khi bà O mất không có di chúc, hơn nữa theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình thì toàn bộ diện tích đất nêu trên là của chung của bố mẹ bà. Ông D chỉ có quyền định đoạt một nửa trong tổng diện tích đất nêu trên, việc ông D (Bố bà P) lập di chúc cho cháu Ngô Văn H toàn bộ diện tích đất nêu trên chỉ có giá trị một phần vì ông D không có quyền định đoạt phần diện tích đất thuộc quyền sử dụng của bà O. Sau đó bà đã làm đơn khởi kiện tại Tòa án, ngày 08/5/2015 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H cháu bà là ông Ngô Văn H cùng vợ là bà Vũ Thị Thu H đã viết giấy biên nhận với nội dung *"Tôi nhất trí cắt cho bà cô tôi là Ngô Thị Pg cư trú: tổ 15, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang một phần diện tích đất liền sát, kế tiếp phía sau đất nhà bà cô tôi; chiều ngang bằng chiều rộng nhà bà là 4m; chiều sâu khoảng 15m, hiện nay đã san ủi được 2/3 diện tích đất, phần đất còn lại bà và gia đình tự bỏ tiền san tiếp, đường vào mảnh đất này là cửa phía sau nhà bà. Đất này là đất vườn rừng, anh H có trách nhiệm ký các giấy tờ hành chính, còn lại bà tự làm thủ tục sang tên để có bìa đỏ"*. Sau khi ông H viết giấy trên, bà đã làm đơn xin rút đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân thành phố H đã ra quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án. Nhưng ông Hùng không chịu thực hiện theo đúng giấy biên nhận ngày 08/5/2015, ông H không ký giấy tờ hành chính nên bà không thể làm bìa đỏ được. Nay bà khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc ông H phải thực hiện theo đúng thỏa thuận tại giấy biên nhận ngày 08/5/2015, trả lại cho bà 4m đất theo chiều ngang liền sát nhà bà và 15m chiều sâu với tổng diện tích đất là 60m^2.

Tại bản tự khai ngày 05/12/2016 và quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Vũ Thị Thu H trình bày: Năm 2015 bà Ngô Thị P cư trú tại số nhà 171 đường N, tổ 15, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang khởi kiện gia đình ông Ngô Văn H (Là chồng bà H) đòi chia thừa kế tại Tòa án nhân dân thành phố H. Nhưng ông nội ông Hlà cụ Ngô Văn D ở cùng với gia đình

ông H, trước khi cụ qua đời cụ đã chia tài sản cho các con và các cháu. Tài sản của cụ gồm có 60m đất mặt đường quốc lộ 2, sâu vào khoảng 20m, đất vườn rừng có 3.024m² đó là tài sản riêng của ông Ngô Văn D. Đất mặt đường là đất thổ cư đã chia cho bà Ngô Thị P 21m chiều dài, bà P đã bán hết nay chỉ còn 4m để ở. Số còn lại chia cho các con và cháu, có người cụ cho đất, có người cụ cho tiền. Bà Ngô Thị P là người được hưởng nhiều nhất, chỉ còn lại đỉnh đồi là đất vườn rừng đứng tên cụ Dt. Năm 2008 cụ lập di chúc cho cháu nội là Ngô Văn H là người ở cùng cụ để ông H chăm sóc, quản lý. Do vậy bà P kiện ra tòa không đủ điều kiện để chia thừa kế, bà P đã tự rút đơn khởi kiện và xin đất của gia đình ông H, bà H để ở riêng và ông H đã viết giấy cho đất bà P tại Tòa án ngày 08/5/2015 có sự chứng kiến của Tòa án. Khi giao đất cho bà P, bà P đã không nghe và đòi theo ý của mình để đem đi bán mà không ở, như vậy đã sử dụng sai mục đích xin đất. Đến ngày 25/5/2016 bà P đã có đơn đến tổ 15 nơi cư trú, yêu cầu gia đình ông bà cho đất theo giấy ngày 08/5/2015, ông H vẫn cho đất theo giấy cụ thể cho theo 2 phương án:

* Phương án 1: Hỗ trợ cho 20.000.000đ *(Hai mươi triệu đồng)* cho đất tính từ đằng sau nhà bà P kéo ra 4m diện tích phần đất này có trong bìa đỏ nhà ông H có bao nhiêu thì cắt bấy nhiêu (không lấy tiền san ủi).

* Phương án 2: Cho bà P 40m² tính tiếp giáp đất nhà bà P ở phía sau nhà và cho trong thửa 310 theo bìa đỏ tên ông Ngô Văn H. Nếu bà P đem bán thì phải trả tiền san ủi là 60.000.000đ *(Sáu mươi triệu đồng)*. Nếu bà P ở không lấy tiền san. Phương án này hoàn toàn đúng với giấy viết ngày 8/5/2015.

Bà P không nhất trí 02 phương án trên, bà P kiện gia đình ông H lên Ủy ban nhân dân phường yêu cầu phải cho đất theo giấy viết ngày 8/5/2015. Tại buổi hòa giải ngày 21/7/2016 tại Ủy ban nhân dân phường, bà P lại nhất trí theo phương án 1 là lấy 20.000.000đ *(Hai mươi triệu đồng)* hỗ trợ, ông H nhất trí cho bà P diện tích đất tính từ sau nhà bà P kéo ra 4m, diện tích phần đất này có trong bìa đỏ nhà ông H bao nhiêu thì cắt bấy nhiêu (ông H không lấy tiền san ủi). Ngày 01/8/2016 bà P đã nhận số tiền 20.000.000đ *(Hai mươi triệu đồng)* cùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên ông H, giấy biên nhận giao tiền và giấy cho đất ngày 08/5/2015 không có giá trị nữa. Nay bà P lại khởi kiện yêu cầu ông Hdiện tích đất là 60m^2 theo giấy biên nhận ngày 08/5/2015, ông H không nhất trí toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà P.

Quá trình xem xét thẩm định tại chỗ về việc xác định hiện trạng, diện tích, vị trí đất tranh chấp theo giấy biên nhận ngày 08/5/2015 giữa ông Ngô Văn H, bà Vũ Thị Thu H và bà Ngô Thị P tại khu vực phía sau số nhà 171 đường N, tổ 15, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang: Toàn bộ diện tích đất phía sau của dãy nhà từ số nhà 167B đến số nhà 183, đường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang, hiện trạng thửa đất tại thời điểm đo đạc xác định vị trí, ranh giới thửa đất đã có thay đổi trước đây là đồi đất nay đã có mặt bằng. Tại thời điểm xem xét thẩm định tại

chỗ không có vật kiến trúc, tài sản và các công trình xây dựng khác trên diện tích đất đang tranh chấp.

Vị trí đất tranh chấp do nguyên đơn xác định tại các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6 có diện tích 59,9m^2 . Trong đó 1,8m^2 thuộc thửa 308; 33,8m^2 thuộc thửa 309; 13,4m^2 thuộc thửa 310, tờ bản đồ trích đo địa chính số 101- 2016 do Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh thành phố H lập.

Vị trí đất do bị đơn xác định tại điểm 1, A, B, C, D, E là 31,1m^2 thuộc thửa 310.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2017/DSST ngày 22/9/2017 Tòa án nhân dân thành phố H đã quyết định: Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39; khoản 3 Điều 144, Điều 147,Điều 157, Điều 165, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 469, Điều 689, Điều 692, Điều 772 Bộ luật dân sự năm 2005; Điểm a, khoản 3 Điều 167, Điều 203 Luật đất đai năm 2013, Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị P về việc buộc ông Ngô Văn Hphải thực hiện đúng thỏa thuận tại giấy biên nhận ngày 08/5/2015 trả cho bà P diện tích đất 60m^2.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Trong hạn luật định ngày 02/10/2017 bà Ngô Thị P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số: 11/2017/DS-ST ngày 22/9/2017 với nội dung: Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm mà TAND thành phố H đã giải quyết.

* Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án

* Ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Xét giấy biên nhận đất giữa ông H và bà P lập ngày 08/5/2015 là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai éo buộc và phù hợp với bộ luật dân sự về giao dịch dân sự Căn cứ vào các Điều 91, Điều 93 BLTTDS: Đề nghị HĐXX buộc ông H phải thực hiện theo Giấy biên nhận ngày 08/05/2015.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Hà Giang: Việc tuân theo pháp luật của HĐXX thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm và đề nghị: Kháng cáo của bà Ngô Thị P là không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên bản án số: 11/2017/DSST ngày 22/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX đánh giá nhận định về nội dung kháng cáo của bà Ngô Thị P như sau:

[1]. Về tố tụng: Ngày 22/9/2017 Tòa án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm. Ngày 02/10/2017 bà Ngô Thị P kháng cáo. Xét đơn kháng cáo của bà Phương nằm trong hạn luật định được HĐXX chấp nhận.

[2]. Về nội dung:

Xét kháng cáo của bà P không nhất trí với toàn bộ nội dung vụ án. HĐXX xét thấy:

Quá trình khởi kiện của bà Ngô Thị P tại Tòa án cấp sơ thẩm: Bà P khởi kiện đề nghị Tòa án sơ thẩm giải quyết buộc ông Ngô Văn H phải thực hiện theo thỏa thuận đã ghi trong giấy biên nhận ngày 08/5/2015.

Xét Giấy biên nhận ghi nhận sự thỏa thuận của bà Ngô Thị P và ông Ngô Văn H: Về hình thức và nội dung giấy biên nhận viết tay ngày 08/5/2015 do ông Hviết với nội dung: Nhất trí cắt cho bà P một phần diện tích đất kế tiếp phía sau nhà bà Phương là chưa đầy đủ và chưa đúng với quy định của pháp luật về việc chuyển quyền sử dụng đất.

Căn cứ vào Điều 689, Điều 692, Điều 467, Điều 723 Bộ luật dân sự năm 2005, điểm a, khoản 3 Điều 167 Luật đất đai năm 2013: Giấy biên nhận còn thiếu: Tên, địa chỉ của các bên; Nơi lập giấy biên nhận; Lý do tặng cho quyền sử dụng đất; Quyền, nghĩa vụ của các bên; Loại đất, hạng đất, diện tích, vị trí, số hiệu, ranh giới và tình trạng đất; Thời hạn sử dụng đất còn lại của bên tặng cho; Quyền của người thứ ba đối với đất được tặng cho; Trách nhiệm của các bên khi vi phạm hợp đồng.

Mặt khác, sau khi ông Hùng viết giấy biên nhận ngày 08/5/2015 hai bên đã có tranh chấp, ngày 25/5/2016 tổ trưởng dân phố tổ 15, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang đã tiến hành hòa giải. Trong buổi hòa giải ông H nhất trí cho đất bà P với 02 phương án cụ thể:

Phương án 1 "Tính từ đằng sau nhà bà P kéo ra 04 mét diện tích phần đất đó có trong bìa đỏ nhà ông H có bao nhiêu thì cắt bấy nhiêu và không lấy tiền san ủi, còn hỗ trợ cho gia đình bà P 20.000.000đ";

Phương án 2 " Cho bà P 40m^2 tính tiếp giáp nhà bà P và cho trong thửa số 310 theo bìa đỏ của gia đình ông Ngô Văn H, nếu phần đất này đem bán thì gia đình bà Phương phải trả cho gia đình ông H 60.000.000đ tiền san ủi. Nếu bà P để ở thì gia đình ông Ngô Văn H không lấy tiền san ủi là 60.000.000đ".

Song bà P không nhất trí cả 02 phương án trên do ông H đưa ra. Ngày 21/7/2016, tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang đã tiến hành hòa giải việc tranh chấp đất giữa bà Pvà ông H. Sau khi hòa giải ông H và bà P đã thỏa thuận thống nhất nội dung: "*Ông H nhất trí cho đất bà P theo phương án 1(được hòa giải tại tổ* ngày 25/5/2016) *chiều sâu 4 mét diện tích đất có trong bìa đỏ nhà ông H có bao nhiêu thì cắt bấy nhiêu, không lấy tiền san ủi và hỗ trợ*

20.000.000đ; Hộ bà P nhất trí phương án ông H đưa ra tự làm các thủ tục tách đất theo phương án 1 và các chi phí bà P phải chịu". Đến ngày 01/8/2016 ông H đã tiến hành giao cho bà P số tiền 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) có sự chứng kiến của tổ trưởng dân phố tổ 15, phường N, thành phố H, đồng thời thống nhất Giấy biên nhận do ông H viết ngày 08/5/2015 không còn giá trị.

Như vậy, biên bản hòa giải giữa ông H và bà P tại phường N ngày 21/07/2016 và việc giao nhận tiền ngày 01/8/2016 theo biên bản hòa giải và việc bà P thừa nhận thống nhất Giấy biên nhận do ông H viết ngày 08/5/2015 không còn giá trị đã chứng minh: Giấy biên nhận ngày 08/5/2015 đã được thay thế bằng một thỏa thuận mới và Giấy biên nhận do ông H viết ngày 08/5/2015 hết giá trị sử dụng.

Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập, xác minh để không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phương là có căn cứ pháp luật.

[3]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà P yêu cầu được thỏa thuận với ông H theo phương án 1 đã được bà P và ông H thỏa thuận tại buổi hòa giải ở phường N ngày 21/7/2016 nhưng phía ông Hvà đại diện theo ủy quyền của ông H không nhất trí. Bà P đề nghị HĐXX buộc ông Hùng thực hiện thỏa thuận ngày 21/7/2016. HĐXX xét thấy: Theo đơn khởi kiện và quá trình kháng cáo, bà P chỉ yêu cầu Tòa án buộc ông H thực hiện thỏa thuận ngày 08/5/2015 và không có yêu cầu thực hiện thỏa thuận ngày 21/7/2016. Căn cứ vào phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 BLTTDS: "Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần bản án sơ thẩm, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị hoặc có liện quan đến nội dung xem xét kháng cáo kháng nghị". Yêu cầu của bà P về việc buộc ông H phải thực hiện theo biên bản hòa giải ngày 21/7/2016 không nằm trong nội dung khởi kiện và kháng cáo của bà P nên HĐXX không xem xét. Tuy nhiên bà P có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ kiện khác nếu ông H và bà P không thực hiện theo đúng phương án 1 của biên bản hòa giải ngày 21/7/2016.

[4]. Từ những phân tích nêu trên HĐXX xét thấy: Kháng cáo của bà P về việc buộc ông Hphải thực hiện theo đúng thỏa thuận tại giấy biên nhận ngày 08/5/2015, trả cho bà P tích đất là 60m^2 theo giấy biên nhận ngày 08/5/2015 là không có cơ sở xem xét. HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bà P. Ý kiến của VKSND tỉnh Hà Giang về việc giải quyết vụ án có căn cứ pháp luật được HĐXX chấp nhận.

[5]. Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bà Ngô Thị P không được chấp nhận nên bà P phải chịu án phí theo quy định tại Điều 148 BLTTDS 2015 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

[6]. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng khoản 1 Điều 48 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về điều khoản chuyển tiếp khi quyết định về án phí sơ thẩm các đương sự phải chịu. Do đó, HĐXX phúc thẩm bổ sung thêm cho đúng quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Ngô Thị P, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 11/2017/DSST ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố H.

2. Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39; ; khoản 3 Điều 144; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; 467; Điều 689; Điều 692; Điều 722; Điều 723 Bộ luật dân sự năm 2005; điểm a, khoản 3 Điều 167; Điều 203 Luật Đất đai 2013; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị P về việc buộc ông Ngô Văn Hùng phải thực hiện đúng thỏa thuận tại giấy biên nhận ngày 08/5/2015 trả cho bà P diện tích đất 60m^2.

- Về chi phí đo đạc bằng máy, chi phí thẩm định và chi phí định giá: Bà P phải chịu toàn bộ chi phí thẩm định 600.000đ + chi phí định giá 600.000đ và chi phí đo đạc bằng máy 4.862.704đ. Tổng cộng 6.062.704đ (*Sáu triệu không trăm sáu mươi hai nghìn bảy trăm linh bốn đồng*) đã thi hành xong.

3. Về án phí:

3.1. Án phí sơ thẩm: Bà P phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 250.000đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án thành phố H, tỉnh Hà Giang (Do anh Nguyễn Hoài T nộp thay) theo biên lai số 00290 ngày 16/11/2016. Trả lại cho bà P số tiền tạm ứng án phí 50.000đ (*Năm mươi nghìn đồng*).

3.2. Án phí phúc thẩm: Bà Ngô Thị P phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Hà Giang theo biên lai số 00555 ngày 12/10/2017. Bà P còn phải nộp thêm 100.000đ (*một trăm nghìn đồng)* tiền án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được Thi hành án Dân sự, người phải Thi hánh án Dân sự có quyền thoả thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9

Luật Thi hành án Dân sự: Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố H;
- TAND thành phố H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HĐXX PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân